

# Công ty Cổ phần Everpia

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 45

# Công ty Cổ phần Everpia

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Công ty có trụ sở chính đặt tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Thành phố Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Đồng Nai và Đà Nẵng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Chủ tịch	
Ông Cho Yong Hwan	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Khắc Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Lee Je Won	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Ngô Phương Chí	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Tuấn Nghĩa	Trưởng Ban	
Ông Kim Kyoung Rok	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Choi Hyung Joon	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Yu Sung Dae	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Hong Sun	Thành viên	miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017

# Công ty Cổ phần Everpia

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lee Jae Eun	Tổng Giám đốc	
Ông Cho Yong Hwan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Yu Sung Dae	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Kwon Sung Ha	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 10 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Đào	Giám đốc Hành chính	miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2017
Ông Lim Jin Taek	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	bổ nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Lee Je Won	Giám đốc Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	miễn nhiệm ngày 23 tháng 5 năm 2017
Ông Park Sung Jin	Giám đốc Chi nhánh Đồng Nai	

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lee Jae Eun.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Everpia

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc

  
Ông Lee Jae Eun  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61110609/19317593-LR

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Everpia**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Everpia (“Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đề ngày 14 tháng 8 năm 2017 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Thái Thanh  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0402-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>827.254.097.526</b>	<b>806.166.992.285</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>123.199.219.339</b>	<b>78.546.140.339</b>
111	1. Tiền		31.356.219.339	48.046.140.339
112	2. Các khoản tương đương tiền		91.843.000.000	30.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>-</b>	<b>73.140.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	-	73.140.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>260.637.438.773</b>	<b>247.889.820.510</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	197.146.924.759	194.872.629.827
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	18.600.048.466	6.071.660.749
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60.773.000.000	60.773.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.396.064.000	5.507.190.847
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1, 6.2	(21.278.598.452)	(19.334.660.913)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>437.181.131.748</b>	<b>403.265.408.821</b>
141	1. Hàng tồn kho		442.505.730.218	407.498.534.820
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.324.598.470)	(4.233.125.999)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.236.307.666</b>	<b>3.325.622.615</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	4.571.050.102	3.175.622.615
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.515.257.564	-
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		150.000.000	150.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017


Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>345.995.316.613</b>	<b>319.642.386.144</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.173.055.826</b>	<b>1.647.711.335</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	3.460.383.131	2.923.038.131
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(1.287.327.305)	(1.275.326.796)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>288.484.666.045</b>	<b>284.499.556.656</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	278.807.014.499	273.544.002.316
222	Nguyên giá		523.883.162.842	503.145.837.568
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(245.076.148.343)	(229.601.835.252)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	77.597.122	83.274.958
225	Nguyên giá		113.556.756	113.556.756
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(35.959.634)	(30.281.798)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	9.600.054.424	10.872.279.382
228	Nguyên giá		39.451.177.876	39.451.177.876
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.851.123.452)	(28.578.898.494)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>36.938.590.000</b>	<b>14.228.590.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	13	22.710.000.000	10.444.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13	11.590.390.000	11.590.390.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14	2.638.200.000	2.638.200.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	13	-	(10.444.000.000)
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>18.399.004.742</b>	<b>19.266.528.153</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	14.412.216.704	15.147.738.448
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	3.986.788.038	4.118.789.705
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.173.249.414.139</b>	<b>1.125.809.378.429</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>222.466.148.841</b>	<b>152.112.879.139</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>181.611.567.360</b>	<b>105.326.422.293</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	47.028.710.341	43.768.285.152
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	16.704.688.628	5.647.479.131
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.300.034.576	26.692.548.103
314	4. Phải trả người lao động		11.542.859.118	11.285.501.070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	4.736.252.334	2.546.128.909
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.484.993.438	986.317.392
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	93.814.028.925	14.400.162.536
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>40.854.581.481</b>	<b>46.786.456.846</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	4.216.254.379	3.849.537.782
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	35.873.212.230	41.405.772.228
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21	765.114.872	1.531.146.836
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>22</b>	<b>950.783.265.298</b>	<b>973.696.499.290</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>950.783.265.298</b>	<b>973.696.499.290</b>
411	1. Vốn cổ phần	22.3	419.797.730.000	419.797.730.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		419.797.730.000	419.797.730.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.2	203.072.724.247	203.072.724.247
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.5	14.519.415.863	12.055.386.440
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		313.393.395.188	338.770.658.603
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		292.369.758.040	241.739.314.617
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		21.023.637.148	97.031.343.986
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.173.249.414.139</b>	<b>1.125.809.378.429</b>

  
Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc

  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae

  
Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	24.1	374.373.384.600	377.208.492.721
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(45.553.373)	(152.555.911)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	24.1	374.327.831.227	377.055.936.810
11	4. Giá vốn hàng bán	25	(254.981.843.909)	(247.842.297.351)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		119.345.987.318	129.213.639.459
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	5.877.251.223	7.309.033.075
22	7. Chi phí tài chính	27	(3.029.844.387)	(3.214.373.502)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.679.606.588)	(2.553.750.721)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(45.949.654.617)	(33.242.675.083)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(49.771.706.328)	(46.063.721.919)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.472.033.209	54.001.902.030
31	11. Thu nhập khác		385.716.812	342.372.576
32	12. Chi phí khác		(60.773.776)	(1.592.602.853)
40	13. Lãi/(lỗ) khác		324.943.036	(1.250.230.277)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.796.976.245	52.751.671.753
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(5.641.337.431)	(10.844.088.003)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	(132.001.666)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế		21.023.637.148	41.907.583.750



Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun

Ngày 14 tháng 8 năm 2017



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>26.796.976.245</b>	<b>52.751.671.753</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		16.978.126.997	15.739.042.686
03	Các khoản dự phòng		3.624.177.116	4.217.230.998
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		668.250.943	(1.209.675.544)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.038.816.163)	(5.007.479.815)
06	Chi phí lãi vay	27	1.679.606.588	2.553.750.721
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>44.708.321.726</b>	<b>69.044.540.799</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(14.825.521.828)	(32.282.268.465)
10	Tăng hàng tồn kho		(35.007.195.398)	(51.792.048.737)
11	Tăng các khoản phải trả		6.496.465.668	27.600.625.827
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(659.905.743)	33.113.272
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.828.937.277)	(2.667.445.785)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(22.616.740.926)	(31.578.459.283)
17	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(2.782.743.854)	(3.700.895.510)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(26.516.257.632)</b>	<b>(25.342.837.882)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ)		(15.419.576.315)	(28.932.077.875)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		105.454.545	501.016.182
23	Tiền chi cho vay		-	(104.248.500.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, đầu tư ngắn hạn		73.140.000.000	165.075.500.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(22.710.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.830.644.043	6.239.307.158
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>38.946.522.273</b>	<b>38.635.245.465</b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là “Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 011033000055 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ SGDHCN do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 1.264 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.317 người).

### **Cơ cấu tổ chức**

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

#### *Công ty TNHH Everpia Cambodia*

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

#### *Công ty TNHH Everpia Intermaru*

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600083 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 12 tháng 1 năm 2016. Công ty TNHH Everpia Intermaru có trụ sở tại số 30-34 Ludwig-Erhard-Strasse, 65760 Eschborn, Đức. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Intermaru là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật Đức.

Tại ngày 16 tháng 03 năm 2017, Công ty đã quyết định không chuyển tiền đầu tư cho công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

*Công ty Cổ phần Everpia Korea*

Công ty con này là một công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18 104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.000.000 đô la Mỹ, tương đương với 67% vốn điều lệ vào công ty con này.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng cần lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc 30 tháng 6 năm 2017. Công ty đã hoàn thành và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)**

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |  |   |   |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa                          | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Thương hiệu, kênh phân phối*

Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định khác	4 năm

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình vào ngày 30 tháng 12 năm 2016 trong thời hạn 48 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.10 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

##### *Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

#### 3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

#### 3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	73.140.000.000	73.140.000.000
	-	-	<b>73.140.000.000</b>	<b>73.140.000.000</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng	195.510.342.265	178.976.808.744
<i>Công Ty TNHH Đầu tư Thương mại Phú Trường Giang</i>	4.542.246.870	8.660.898.816
<i>Công ty Cổ phần Welcron Global Việt Nam</i>	7.388.524.536	7.921.768.085
<i>Công ty TNHH Rs Co</i>	3.831.091.485	5.186.214.570
<i>Đại lý AT- 278 Phố Huế</i>	1.064.189.233	4.904.525.592
<i>Công ty TNHH Global Garment Sourcing</i>	8.672.006.090	4.896.229.069
<i>Công ty TNHH Pan Pacific</i>	15.929.490.736	1.194.696.438
<i>Công ty TNHH Everpia Cambodia</i>	16.160.377.837	-
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	137.922.415.478	146.212.476.174
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 30</i> )	1.636.582.494	15.895.821.083
	<b>197.146.924.759</b>	<b>194.872.629.827</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.582.518.452)	(18.638.580.913)

**6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty LiLi Textile	8.953.672.559	-
Trả trước cho các đối tượng khác	9.646.375.907	6.071.660.749
	<b>18.600.048.466</b>	<b>6.071.660.749</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(696.080.000)	(696.080.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cho bên liên quan vay ngắn hạn (Thuyết minh số 30)	60.773.000.000	60.773.000.000
	<b><u>60.773.000.000</u></b>	<b><u>60.773.000.000</u></b>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Lãi tiền gửi và cho vay	3.809.095.514	2.671.645.130
Tạm ứng cho nhân viên	558.051.623	636.650.166
Thuế nhập khẩu chờ hoàn	61.166.173	97.179.805
Phải thu ngắn hạn khác	967.750.690	2.101.715.746
	<b><u>5.396.064.000</u></b>	<b><u>5.507.190.847</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	3.713.030.336	2.279.711.500
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các đối tượng khác</i>	1.683.033.664	3.227.479.347
<b>Dài hạn</b>		
Cho thuê máy móc	893.491.200	893.491.200
Cho vay xờ	252.051.882	252.051.882
Phải thu nhân viên	98.599.640	98.599.640
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.216.240.409	1.678.895.409
	<b><u>3.460.383.131</u></b>	<b><u>2.923.038.131</u></b>
Dự phòng phải thu dài hạn khác khó đòi	(1.287.327.305)	(1.275.326.796)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	11.802.016.913	-	13.907.889.386	-
Nguyên liệu, vật liệu	235.181.942.538	(688.261.204)	207.115.603.974	(688.261.204)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.756.087	-	22.295.952	-
Thành phẩm	186.059.780.787	(4.636.337.266)	177.464.690.002	(3.544.864.795)
Hàng hóa	9.452.233.893	-	8.988.055.506	-
	<b><u>442.505.730.218</u></b>	<b><u>(5.324.598.470)</u></b>	<b><u>407.498.534.820</u></b>	<b><u>(4.233.125.999)</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	4.233.125.999	1.703.866.848
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	3.352.817.037	1.958.077.383
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.261.344.566)	-
Số cuối kỳ	<b><u>5.324.598.470</u></b>	<b><u>3.661.944.231</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu kỳ	181.222.385.425	256.851.828.321	19.645.957.115	26.362.652.206	19.063.014.501	503.145.837.568
Mua trong kỳ	10.477.418.577	6.815.922.013	620.000.000	2.725.086.664	359.564.684	20.997.991.938
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(260.666.664)	-	(260.666.664)
Giảm khác	-	-	54.518.273	(54.518.273)	-	-
Số cuối kỳ	191.699.804.002	263.667.750.334	20.320.475.388	28.772.553.933	19.422.579.185	523.883.162.842
<b>Trong đó:</b>						
Đã khấu hao hết	444.434.009	78.494.819.603	6.550.262.267	256.978.307	3.727.011.981	89.473.506.167
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu kỳ	44.985.660.990	149.631.773.334	10.818.330.948	13.278.452.929	10.887.617.051	229.601.835.252
Khấu hao trong kỳ	3.680.740.685	8.802.722.198	439.754.552	1.893.667.430	883.339.338	15.700.224.203
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(225.911.112)	-	(225.911.112)
Giảm khác	-	-	30.666.527	(30.666.527)	-	-
Số cuối kỳ	48.666.401.675	158.434.495.532	11.288.752.027	14.915.542.720	11.770.956.389	245.076.148.343
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu kỳ	136.236.724.435	107.220.054.987	8.827.626.167	13.084.199.277	8.175.397.450	273.544.002.316
Số cuối kỳ	143.033.402.327	105.233.254.802	9.031.723.361	13.857.011.213	7.651.622.796	278.807.014.499

Trong đó:

Nguyên giá tài sản sử  
dụng để cầm cố/thế  
chấp (\*)

38.010.558.236 55.227.490.518 - 5.670.290.909 - 98.908.339.663

(\*) Các tài sản được sử dụng để cầm cố/thế chấp cho các khoản vay dài hạn được trình bày tại Thuyết minh số 20.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

*Đơn vị tính: VND*

*Thiết bị văn phòng*

**Nguyên giá:**

Số đầu kỳ	113.556.756
Thuê trong kỳ	-
Số cuối kỳ	<u>113.556.756</u>

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số đầu kỳ	30.281.798
Khấu hao trong kỳ	<u>5.677.836</u>
Số cuối kỳ	<u>35.959.634</u>

**Giá trị còn lại:**

Số đầu kỳ	<u>83.274.958</u>
Số cuối kỳ	<u><u>77.597.122</u></u>

Đây là máy photocopy được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

## Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Thương hiệu	Kênh phân phối	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu kỳ	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
Số cuối kỳ	23.494.500.000	7.831.500.000	7.438.284.189	686.893.687	39.451.177.876
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	-	253.079.670	686.893.687	939.973.357
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu kỳ	16.137.011.848	7.315.137.120	4.439.855.839	686.893.687	28.578.898.494
Hao mòn trong kỳ	613.124.010	258.181.320	400.919.628	-	1.272.224.958
Số cuối kỳ	16.750.135.858	7.573.318.440	4.840.775.467	686.893.687	29.851.123.452
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu kỳ	7.357.488.152	516.362.880	2.998.428.350	-	10.872.279.382
Số cuối kỳ	6.744.364.142	258.181.560	2.597.508.722	-	9.600.054.424



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	22.710.000.000	-	22.710.000.000	10.444.000.000	(10.444.000.000)	-
Đầu tư vào công ty liên kết	11.590.390.000	-	11.590.390.000	11.590.390.000	-	11.590.390.000
	<b>34.300.390.000</b>	<b>-</b>	<b>34.300.390.000</b>	<b>22.034.390.000</b>	<b>(10.444.000.000)</b>	<b>11.590.390.000</b>

**13.1 Đầu tư vào công ty con**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Everpia Korea (*)	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Everpia Cambodia (**)	-	-	100%	100%
Công ty TNHH Everpia Intermaru	-	-	100%	100%

Chi tiết thông tin về các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

(\*) Theo Giấy phép Đầu tư vào Công ty Cổ phần Everpia Korea với số tiền là 22.710.000.000 VND (1.000.000 USD) hoặc tương đương 67% tổng vốn điều lệ.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

**13.2 Đầu tư vào công ty liên kết**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	44%	44%	44%	44%
	<b>44%</b>	<b>44%</b>	<b>44%</b>	<b>44%</b>

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 số 472033001056 được cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty nắm 44% cổ phần trong công ty liên kết này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu, và với giá trị là 2.638.200.000 đồng. Công ty không xác định được giá trị hợp lý của số cổ phiếu này do cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng	872.894.232	150.000.000
Phụ tùng máy móc, thiết bị sản xuất	949.763.469	645.283.827
Bảo hiểm cháy nổ	449.309.413	447.941.340
Phí quảng cáo	1.303.988.536	914.994.045
Khác	995.094.452	1.017.403.403
	<b>4.571.050.102</b>	<b>3.175.622.615</b>
<b>Dài hạn</b>		
Tiền thuê mặt bằng (*)	7.213.193.750	7.380.175.025
Tiền thuê đất ở Hòa Bình	5.079.166.667	5.429.545.455
Khác	2.119.856.287	2.338.017.968
	<b>14.412.216.704</b>	<b>15.147.738.448</b>

(\*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
EP International Company Limited	549.774.946	549.774.946	10.648.692.462	10.648.692.462
Phải trả cho các đối tượng khác	46.478.935.395	46.478.935.395	33.119.592.690	33.119.592.690
	<b>47.028.710.341</b>	<b>47.028.710.341</b>	<b>43.768.285.152</b>	<b>43.768.285.152</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	12.997.458	12.997.458	221.100.000	221.100.000
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	47.015.712.883	47.015.712.883	43.547.185.152	43.547.185.152

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)**

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty TNHH KyungDong One	10.353.333.550	-
Các đối tượng khác	6.351.355.078	5.647.479.131
	<b>16.704.688.628</b>	<b>5.647.479.131</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.929.914.166	4.213.623.937	7.059.261.020	84.277.083
Thuế xuất và nhập khẩu	573.239.843	-	573.239.843	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ( <i>Thuyết minh số 29</i> )	22.436.698.823	5.641.337.431	22.616.740.926	5.461.295.328
Thuế thu nhập cá nhân	701.860.582	508.143.999	455.542.416	754.462.165
Các loại thuế khác	50.834.689	421.319.184	472.153.873	-
	<b>26.692.548.103</b>	<b>10.784.424.551</b>	<b>31.176.938.078</b>	<b>6.300.034.576</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Chi phí xây dựng cơ bản hoàn thành	4.544.104.200	2.353.120.000
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	192.148.134	193.008.909
	<b>4.736.252.334</b>	<b>2.546.128.909</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền coupon	561.363.636	588.840.909
Kinh phí công đoàn	336.367.809	4.908.000
Bảo hiểm xã hội	1.475.856	84.545.734
Phải trả ngắn hạn khác	585.786.137	308.022.749
	<b><u>1.484.993.438</u></b>	<b><u>986.317.392</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	4.099.436.379	3.522.669.782
Phải trả dài hạn khác	116.818.000	326.868.000
	<b><u>4.216.254.379</u></b>	<b><u>3.849.537.782</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Ngày 31 tháng 12 năm 20 <sup>16</sup>		Thay đổi trong năm		Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	-	-	78.180.178.738	-	78.180.178.738	78.180.178.738	
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 20.3)	25.057.953	25.057.953	17.348.021	17.348.021	25.057.953	25.057.953	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	14.375.104.583	14.375.104.583	7.705.021.086	6.471.333.435	15.608.792.234	15.608.792.234	
	<b>14.400.162.536</b>	<b>14.400.162.536</b>	<b>85.902.547.845</b>	<b>6.488.681.456</b>	<b>93.814.028.925</b>	<b>93.814.028.925</b>	
<b>Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	41.371.023.397	41.371.023.397	2.189.809.109	7.705.021.086	35.855.811.420	35.855.811.420	
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 20.3)	34.748.831	34.748.831	-	17.348.021	17.400.810	17.400.810	
	<b>41.405.772.228</b>	<b>41.405.772.228</b>	<b>2.189.809.109</b>	<b>7.722.369.107</b>	<b>35.873.212.230</b>	<b>35.873.212.230</b>	
	<b>55.805.934.764</b>	<b>55.805.934.764</b>	<b>88.092.356.954</b>	<b>14.211.050.563</b>	<b>129.687.241.155</b>	<b>129.687.241.155</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	40.872.582.176	1.795.019 (USD)	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 17 tháng 11 năm 2017	Từ 2.5% đến 2.6%	Không yêu cầu đảm bảo khoản vay
Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	5.539.488.141	5.539.488.141 (VND)	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 23 tháng 11 năm 2017	Từ 5.5% đến 5.7%	
Ngân hàng Woori	31.768.108.421	1.393.949 (USD)	6 tháng kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là ngày 20 tháng 12 năm 2017	Lãi suất Libor kỳ hạn 6 tháng +1.21344 %	Khoản vay được đảm bảo bởi ông Lee Jae Eun
	<b><u>78.180.178.738</u></b>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	15.571.207.673	683.998 (USD)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 28 tháng 7 năm 2019	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2.7%/1 năm	Máy móc thiết bị được tài trợ bao gồm hệ thống cần trục và hệ thống cung cấp điện; nhà xưởng, văn phòng và công trình liên quan
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	13.802.311.985	606.295 (USD)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2.7%/1 năm	được tài trợ; tài sản cố định trên đất tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Đồng Nai.
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	16.200.985.360	16.200.985.360 (VND)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 24 tháng 11 năm 2020	3 năm đầu lãi suất cố định là 7%, sau đó lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 2%/1 năm	
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	2.253.735.000	99.000 (USD)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 21 tháng 3 năm 2022	Lãi suất Libor kỳ hạn 3 tháng + 2.5%/1 năm	Máy móc thiết bị được tài trợ ước tính khoảng 1.250.000 USD
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	3.636.363.636	3.636.363.636 (VND)	5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021	Lãi suất MFC kỳ hạn 6 tháng + 1.3%/1 năm	Ô tô mua bởi khoản vay này
	<b>51.464.603.654</b>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả	15.608.792.234
Vay dài hạn	35.855.811.420



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**20.3 Nợ thuê tài chính**

Công ty hiện đang thuê máy photocopy theo theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

**21. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Số đầu kỳ</b>	<b>1.531.146.836</b>	<b>2.683.121.285</b>
<i>Tăng trong kỳ:</i>		
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-
<i>Giảm trong kỳ:</i>		
Sử dụng quỹ trong kỳ	(766.031.964)	(690.945.586)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>765.114.872</b>	<b>1.992.175.699</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông
Vốn cổ phần	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000	419.797.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247	203.072.724.247
	<b>622.870.454.247</b>	<b>622.870.454.247</b>	<b>622.870.454.247</b>	<b>622.870.454.247</b>

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
<b>Vốn đã góp</b>		
Số đầu kỳ	419.797.730.000	279.865.180.000
Tăng/(giảm) vốn trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<b>419.797.730.000</b>	<b>279.865.180.000</b>
<b>Cổ tức đã trả</b>	<b>41.920.159.250</b>	<b>55.897.223.350</b>

**22.4 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu ưu đãi (*)	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000
Cổ phiếu phổ thông	41.979.773	419.797.730.000	41.979.773	419.797.730.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ là 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2016: 10.000 VND/cổ phiếu).

**22.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2017 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	1.007.369	652.250
- Euro (EUR)	549	162

**24. DOANH THU**

**24.1 Doanh thu bán hàng**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>374.373.384.600</b>	<b>377.208.492.721</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm</i>	207.338.198.490	162.497.010.771
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	126.255.151.937	157.286.232.599
<i>Doanh thu chần bông</i>	26.952.742.433	35.446.540.209
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	13.404.932.501	21.753.132.658
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	422.359.239	225.576.484
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	(45.553.373)	(152.555.911)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>374.327.831.227</b>	<b>377.055.936.810</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thành phẩm chần ga, đệm</i>	207.292.645.117	162.344.454.860
<i>Doanh thu thành phẩm bông</i>	126.255.151.937	157.286.232.599
<i>Doanh thu chần bông</i>	26.952.742.433	35.446.540.209
<i>Doanh thu bán hàng hóa khác</i>	13.404.932.501	21.753.132.658
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	422.359.239	225.576.484
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	2.826.142.951	4.390.595.097
<i>Doanh thu với các bên khác</i>	371.501.688.276	372.665.341.713

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.744.494.427	4.780.152.876
Lãi chênh lệch tỷ giá	909.134.053	2.305.280.199
Cổ tức, lợi nhuận được chia	223.600.000	223.600.000
Lãi từ thoái vốn trong công ty con	22.743	-
	<b>5.877.251.223</b>	<b>7.309.033.075</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn thành phẩm chần ga, đệm	163.599.749.973	133.843.043.692
Giá vốn thành phẩm bông	67.282.607.434	86.336.578.756
Giá vốn chần bông	16.415.226.167	21.334.128.154
Giá vốn bán hàng hóa khác	7.684.260.335	6.328.546.749
	<b><u>254.981.843.909</u></b>	<b><u>247.842.297.351</u></b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân công	17.633.647.479	15.042.584.893
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.329.575.085	1.290.439.119
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.183.203.386	9.372.170.745
- Chi phí quảng cáo	9.974.474.037	3.721.852.238
- Chi phí khác	5.828.754.630	3.815.628.088
	<b><u>45.949.654.617</u></b>	<b><u>33.242.675.083</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>		
- Chi phí nhân công	30.452.335.696	28.156.584.134
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	3.538.523.372	3.640.072.674
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.688.894.242	7.628.864.249
- Chi phí khác	10.091.953.018	6.638.200.862
	<b><u>49.771.706.328</u></b>	<b><u>46.063.721.919</u></b>
	<b><u>95.721.360.945</u></b>	<b><u>79.306.397.002</u></b>

**27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	1.679.606.588	2.553.750.721
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.350.237.799	660.622.781
	<b><u>3.029.844.387</u></b>	<b><u>3.214.373.502</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.463.730.938	218.134.208.973
Chi phí nhân công	92.408.852.850	84.016.049.310
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	16.978.126.997	15.739.042.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.995.086.943	24.078.722.567
Chi phí khác	25.439.958.046	5.805.930.441
	<b><u>359.285.755.774</u></b>	<b><u>347.773.953.977</u></b>

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.641.337.431	10.844.088.003
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	132.001.666	-
	<b><u>5.773.339.097</u></b>	<b><u>10.844.088.003</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>26.796.976.245</b>	<b>52.751.671.753</b>
<b>Thuế TNDN theo thuế suất 20%</b>	<b>5.359.395.249</b>	<b>10.550.334.351</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Điều chỉnh cho chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại phải thu, tiền của năm trước	-	181.198.671
Các khoản chi phí không được khấu trừ thuế TNDN	458.663.848	287.788.287
Dự phòng trợ cấp mất việc trích lập thêm	-	56.414.899
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Lãi chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	-	(186.928.205)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(44.720.000)	(44.720.000)
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>5.773.339.097</b>	<b>10.844.088.003</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Doanh thu phiếu mua hàng chưa giao hàng cho khách hàng	112.272.727	117.768.182	(5.495.455)	-
Giảm trừ doanh thu đối với doanh thu chưa xuất hóa đơn	-	846.699.966	(846.699.966)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.064.919.694	846.625.200	218.294.494	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.265.395.133	1.876.607.625	388.787.508	-
Trợ cấp thôi việc phải trả	819.887.275	704.533.956	115.353.319	-
	<b>4.262.474.829</b>	<b>4.392.234.929</b>	<b>(129.760.100)</b>	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu, tiền	(208.566.126)	(273.445.224)	64.879.099	-
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	(67.120.665)	-	(67.120.665)	-
	<b>(275.686.791)</b>	<b>(273.445.224)</b>	<b>(2.241.566)</b>	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần</b>	<b>3.986.788.038</b>	<b>4.118.789.705</b>		
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh</b>			<b>(132.001.666)</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty TNHH Everpia Cambodia	Công ty con	Bán hàng hóa Thu tiền bán hàng	1.945.823.099 472.661.976	2.725.699.522 2.323.705.705
Công ty Cổ phần Everpia Korea	Công ty con	Góp vốn	22.710.000.000	-
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Thu tiền cho vay Lãi cho vay đã thu Lãi cho vay phải thu Cho vay Thanh lý tài sản Doanh thu gia công Doanh thu bán hàng hóa Thu tiền bán hàng Cung cấp dịch vụ Mua hàng hóa	- - 1.833.318.836 - - 781.731.719 98.588.133 2.508.488.523 960.000.000 168 786 886	4.383.500.000 1.428.276.000 - 13.783.500.000 400.000.000 1.664.895.575 - 543.116.828 - -

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.951.622.787 đồng). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Số dư cuối kỳ của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</b>				
Công ty TNHH Everpia Cambodia	Công ty con (đến ngày 31 tháng 3 năm 2017)	Bán hàng hóa	-	14.689.413.299
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Gia công Cung cấp dịch vụ	648.583.534 987.998.960	1.206.407.784 -
			<b>1.636.582.494</b>	<b>15.895.821.083</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư cuối năm của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
<b>Phải thu khác (Thuyết minh số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	3.383.030.336	1.549.711.500
		Thanh lý tài sản	330.000.000	330.000.000
		Cung cấp dịch vụ	-	400.000.000
			<b>3.713.030.336</b>	<b>2.279.711.500</b>
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Texpia (*)	Công ty liên kết	Cho vay	60.773.000.000	60.773.000.000
			<b>60.773.000.000</b>	<b>60.773.000.000</b>
<b>Phải trả người bán (Thuyết minh số 16.1)</b>				
Công ty Cổ phần Texpia	Công ty liên kết	Mua khăn lau	12.997.458	221.100.000
			<b>12.997.458</b>	<b>221.100.000</b>

(\*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia vay theo các hợp đồng được ký kết trong năm 2015 và 2016. Các khoản cho vay này có thời hạn từ 1 đến 8 tháng, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương và thưởng	8.009.120.693	7.595.743.428
	<b>8.009.120.693</b>	<b>7.595.743.428</b>

**31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chần, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chần, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 96,31 % tổng doanh thu trong kỳ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

**32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

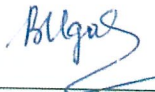
***Cam kết về vốn góp***

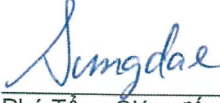
Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư thành lập Công ty cổ phần Everpia Korea số 201600179 ngày 1 tháng 8 năm 2016, Công ty sẽ góp vốn với số tiền 1.500.000 đô la Mỹ vào công ty này. Cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã góp 1.000.000 đô la Mỹ và còn phải góp 500.000 đô la Mỹ vào công ty con này.

**33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 008/2017/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 8 năm 2017, Công ty đang trong quá trình tiến hành thủ tục phát hành trái phiếu riêng lẻ, không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo với số lượng tối đa là 150 trái phiếu và mệnh giá 1.000.000.000 VNĐ/trái phiếu. Kỳ hạn của trái phiếu là 5 năm với lãi suất 7.5%/năm cho năm đầu tiên và trần lãi suất huy động cá nhân 12 tháng của Vietcombank + 1.7%/năm cho các năm tiếp theo.

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

  
\_\_\_\_\_  
Người lập biểu  
Nguyễn Bảo Ngọc

  
\_\_\_\_\_  
Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách Tài chính  
Yu Sung Dae

  
\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc  
Lee Jae Eun



Ngày 14 tháng 8 năm 2017